

Số: /QĐ-YTNH

Đông Ninh Hòa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2026
Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NINH HÒA

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế thị xã Ninh Hòa thành Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định giao dự toán ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Sở Y tế (báo cáo);
- Lãnh đạo TTYT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- QTM (đăng website);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tiến Khoa

SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NINH HÒA		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2026		
<i>(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-YTNH ngày /02/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Ninh Hòa)</i>		
		<i>Đvt: đồng</i>
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
I	Số thu phí, lệ phí	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	60.424.800.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	54.292.000.000
1	Loại 130 - Khoản 132	5.940.000.000
	Kinh phí định mức: 34 người, lương cơ sở 2,34 tr đồng, kinh phí hoạt động 30 trđ/người	5.940.000.000
2	Loại 130 - Khoản 131	5.735.000.000
	Kinh phí định mức 27 người: lương 1.490.000 đồng (KP hoạt động chuyên môn, vận hành)	2.891.000.000
	Kinh phí phòng chống dịch	1.200.000.000
	10% tiết kiệm thực hiện CCTL	1.644.000.000
3	Loại 130 - Khoản 132	36.524.000.000
	Kinh phí định mức: 184 người, lương cơ sở 2,34 tr đồng, kinh phí hoạt động 30 trđ/người	33.798.000.000
	Kinh phí lương HDLD 68: 29 người + KP hoạt động: 10 trđ/người	2.726.000.000
4	Loại 130 - Khoản 151	6.093.000.000
	Kinh phí định mức: 35 người x 45 trđ (10% tiết kiệm: 157,5 trđ)	1.417.500.000
	Kinh phí lương cán bộ DS-KHHGD theo ND 38/2019: 1,490 trđ	2.993.000.000
	10% tiết kiệm thực hiện CCTL	157.500.000
	KP tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP, ND 73/2024 /ND-CP của Chính phủ	1.525.000.000
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.132.800.000
1	Loại 130 - Khoản 132 (Bệnh viện, PKNS)	812.000.000
	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn bệnh nhân theo NQ30/2012	100.000.000
	Kinh phí chi lễ, tết	702.000.000
	Kinh phí thực hiện đề án 1816	10.000.000
2	Loại 130 - Khoản 131	315.000.000
	Kinh phí chi lễ, tết	81.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/ND-CP	234.000.000
3	Loại 130 - Khoản 132 (Y tế xã, phường, thị trấn)	3.835.800.000
	Kinh phí chi lễ, tết	145.800.000
	Kinh phí hỗ trợ theo NQ17/2010 YT xã	722.000.000
	Kinh phí trợ cấp YTIB	1.261.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/ND-CP	1.707.000.000
4	Loại 130 - Khoản 151 (Khoa Dân số)	1.170.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/ND-CP	294.000.000
	CTV dân số (NQ số 29/2023-NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh)	876.000.000